**BÀI 23: KHAI THÁC THẾ MẠNH Ở TRUNG DU** **VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ**

I. KHÁI QUÁT

**1. Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ**

****

- Diện tích của vùng là 95,2 nghìn km2 (lớn nhất cả nước, chiếm 28,8 % cả nước - năm 2021).

- Gồm 14 tỉnh: + Tây Bắc(4): Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Hoà Bình;

 + Đông Bắc(10): Lào Cai, Yên Bái, Phú Thọ, Hà Giang, Tuyên Quang, Cao Bằng,

 Lạng Sơn, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Bắc Giang.

- Vùng tiếp giáp với:

 + Phía Bắc & Tây: hai nước láng giềng là Trung Quốc, Lào;

 + Phía Nam & đông: vùng Đồng bằng sông Hồng,

 + Phía Nam: vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung.

- Là vùng không giáp biển (cùng với Tây Nguyên)

🡪Trung du và miền núi Bắc Bộ có *vị trí đặc biệt quan trọng*

**2. Dân số**

- *Số dân* trong vùng là 12,9 triệu người (chiếm 13,0% cả nước - Năm 2021).

- *Tỉ lệ* tăng dân số tự nhiên là 1,05% *(trung bình của cả nước 0,93% -*Năm 2021).

- *Mật độ* dân số trung bình là 136 người/km2 *(trung bình của cả nước 297 người/km2*).

- *Phân bố*: Dân cư chủ yếu sinh sống ở nông thôn là 79,5% ,tỉ lệ dân thành thị là 20,5% (*cả nước là 37,1% năm 2021*).(Trình độ ĐTH&PTKTXH thấp)

- *Thành phần* dân cư: có nhiều dân tộc sinh sống như: Kinh, Thái, Mường, HMông, Tày, Nùng, Dao,...

II. KHAI THÁC THẾ MẠNH ĐỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ

**1. Khai thác và chê biến khoáng sản**

\* Tiềm năng:

-*Giàu có bậc nhất cả nước gồm:*

 + Khoáng sản năng lượng: Than ở Lạng Sơn, Thái Nguyên;

 + Khoáng sản kim loại: Sắt ở Yên Bái, Lào Cai, Hà Giang; Đồng ở Sơn La, Bắc Giang; Đồng - vàng ở Lào Cai; Thiếc ở Cao Bằng, Thái Nguyên;

 + Khoáng sản phi kim loại: Đất hiếm ở Lai Châu là cơ sở để PT công nghiệp cao, A-pa-tít ở Lào Cai(phân bón); Đá vôi, đá xây dựng có ở nhiều tỉnh trong vùng; Nước khoáng ở Hoà Bình, Phú Thọ, Tuyên Quang,

- Cơ *sở hạ tầng* và cơ sở vật chất - kĩ thuật ngày càng hoàn thiện, các yếu tố khoa học - *công nghê* mới, tiên tiến được ứng dụng giúp cho khai thác và chế biến khoáng sản thuận lợi hơn.

\* Khó khăn: Công nghệ và vốn, ảnh hưởng đến môi trường

\* Giải pháp: Đầu tư công nghệ và vốn, cần hạn chế đến tác động môi trường

\* Ý nghĩa:

- Khai thác hiệu quả tiềm năng

- Tạo sản phẩm hàng hoá

**2. Phát triển thuỷ điện**

**\* Tiềm năng:**

**-** Lớn nhất cả nước tập trung trên hệ thống sông Hồng

 - *Nhu cầu* về điện ngày càng tăng,

- Khoa học - *công nghệ* tiên tiến,

**\* Khó khăn:** Khí hậu phân mùa:

- Mùa mưa: vỡ đập

- Mùa khô: Thiếu nước

**\* *Ý nghĩa*:**

- Khai thác thế mạnh, tiềm năng

- Tạo năng lượng🡪 tạo động lực mới cho sự phát triển kinh tế

**\**Vấn đề cần giải quyết*:** Phát triển thuỷ điện ở vùng cần chú ý đến việc:

 + Giải quyết hài hoà vấn đề khai thác, sử dụng nguồn nước giữa *thuỷ điện và thuỷ lợi*

 + Quản lí và sử dụng hiệu quả tài nguyên nước, ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu

 + Khai thác hiệu quả vùng lòng hồ, phát triển nuôi trồng thuỷ sản, du lịch, GTVT

 + *Bảo vệ rừng* đầu nguồn để giữ nguồn nước cho các hồ thuỷ điện,...

**\* Biện pháp:** Thu hút vốn, phát triển nhà máy thuỷ điện

**3. Phát triển cây công nghiệp, rau quả có nguồn gốc cận nhiệt và ôn đới***(lạnh)*

**a. Tiềm năng**

- Đất, nước, khí hậu

- Người dân có nhiều *kinh nghiệm* trong trồng và canh tác cây công nghiệp, cây ăn quả trên đất dốc.

- Các *chính sách* nông nghiệp theo hướng

- *Thị trường*: được mở rộng (trong nước và nước ngoài) là những thuận lợi để thúc đẩy phát triển cây công nghiệp và rau quả.

**b. Hiện trạng:**

**\* Cơ cấu cây trồng đa dạng gồm: cây công nghiệp, cây ăn quả, cây rau**

- Cây công nghiệp: TDMNBB là vùng chuyên canh cây công nghiệp lớn thứ 3 cả nước sau Đông Nam Bộ và Tây Nguyên bao gồm: chè, café, hồi quế…. Trong đó chè là cây quan trọng số 1 của vùng, chiếm hơn 70% diện tích trồng chè của cả nước . Café được trồng ở khu vực tây Bắc chủ yếu Sơn La và Điện Biên

-Cây ăn quả phát triển mạnh, cơ cấu đa dạng. Vùng đã tích cực ứng dụng Kh công nghệ trong trồng, chăm sóc, chế biến cây ăn quả

 - Rau và các cây khác: Vùng có diệc tích rau cận nhiệt và ôn đới khá lớn

- Khả năng mở rộng diện tích và nâng cao năng suất cây công nghiệp, cây ăn quả và cây đặc sản của vùng còn rất lớn

**c. Ý nghĩa:** hàng hóa và hạn chế nạn du canh du cư

**d. Hạn chế**

-Hiện tượng rét đậm rét hại,sương muối…

-Tình trạng thiếu nước về mùa đông

-Chế biến và thị trường

**d. Hướng phát triển:** SX nông nghiệp hàng hoá, an toàn, phát triển nông nghiệp hữu cơ, tăng diện tích cây ăn quả, phát triển cây dược liệu gắn với công nghiệp chế biến

**4. Phát triển chăn nuôi gia súc lớn**

**a) Thế mạnh**

- Có nhiều nguồn thức ăn từ đồng cơ trên các cao nguyên, giống vật nuôi tốt

- Nhu cầu của thị trường tăng

b. KK trong chăn nuôi:

- Dịch bệnh, thị trường

- Việc vận chuyển sp chăn nuôi đến vùng tiêu thụ còn Kk

**c) Hiện trạng**:

**\*** Vùng đã ứng dụng khoa học - công nghệ trong chăn nuôi, *hình thức* chăn nuôi đa dạng hơn, được phát triển rộng rãi là:

\* Các loại gia súc lớn phổ biến trong vùng là trâu, bò, ngựa.

-Trâu **Nuôi trâu nhiều vì: => khỏe, ưa ẩm, chịu rét, thích nghi chăn thả trong rừng**

-Đàn bò lấy thịt và sữa có xu hướng tăng. Bò sữa được nuôi tập trung ở cao nguyên Mộc Châu Sơn La

- Chăn nuôi ngựa là nét đặc trưng của vùng

**c. Hướng phát triển:**

- Phát triển vùng chăn nuôi *tập trung, an toàn* dịch bệnh với quy mô phù hợp, hiệu quả cao dựa trên lợi thế của vùng;

- Đầu tư xây dựng cơ sở chế biến thức ăn để *chủ động nguồn thức ăn*,

- Tăng cường ứng dụng *khoa học - công* *nghệ* trong chăn nuôi, đẩy mạnh công nghiệp *chế biến*, đa dạng hoá các sản phẩm chăn nuôi.

III. Ý NGHĨA CỦA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI ĐỐI VỚI QUỐC PHÒNG AN NINH

- Trung du và miền núi Bắc Bộ là vùng có diện tích rộng lớn. Việc phát triển kinh tế của vùng không chỉ có ý nghĩa về kinh tế mà còn *củng cố được sức mạnh quốc phòng an ninh*.

- Vùng tiếp giáp với Trung Quốc và Lào, có nhiều cửa khẩu thông thương. Đẩy mạnh phát triển kinh tế của vùng, *xây dựng các khu kinh tế cửa khẩu*, tạo nên sự *gắn kết chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với củng cố quốc* phòng an ninh,

- Trung du và miền núi Bắc Bộ là nơi cư trú của nhiều dân tộc thiểu số, là căn cứ địa cách mạng, phát triển kinh tế góp phần:

+ N*âng cao đời sống vật chất và tinh thần* cho nhân dân, *tăng cường khối đại đoàn kết* giữa các dân tộc;

+ *Thực hiện được chủ trương của Đảng* về đền ơn đáp nghĩa, uống nước như nguồn. Qua đó, ổn định an ninh xã hội, góp phần đảm bảo quốc phòng an ninh

**I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN**

**1. Nhận biết**

**Câu 1.** Nguồn thức ăn cho chăn nuôi gia súc lớn ở Trung du và miền núi Bắc Bộ chủ yếu dựa vào

**A.** hoa màu lương thực. **B.** phụ phẩm thủy sản.

**C.** thức ăn công nghiệp. **D.** cácđồng cỏ tự nhiên.

**Câu 2.** Phát biểu nào sau đây không đúng với vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

**A.** Diện tích lớn nhất so với các vùng khác. **B.** Phân hóa thành hai tiểu vùng.

**C.** Dân số đông nhất so với các vùng khác. **D.** Giáp cả Trung Quốc và Lào.

**Câu 3.** Loại khoáng sản kim loại có nhiều nhất ở Tây Bắc là

**A.** đồng, niken. **B.** thiếc, bôxit. **C.** đồng, vàng. **D.** apatit, sắt.

**Câu 4.** Loại khoáng sản làm nguyên liệu quan trọng để sản xuất phân lân và có trữ lượng lớn ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

**A.** pi-rit. **B.** gra-phit. **C.** a-pa-tit. **D.** mica.

**Câu 5.** Nguồn than khai thác ở Trung du và miền núi Bắc Bộ được sử dụng chủ yếu cho

**A.** nhiệt điện và hóa chất. **B.** nhiệt điện và luyện kim.

**C.** nhiệt điện và luyện kim. **D.** luyện kim và xuất khẩu.

**Câu 6.** Mỏ a-pa-tit lớn nhất ở Trung du và miền núi Bắc Bộ thuộc tỉnh

**A.** Thái Nguyên. **B.** Cao Bằng. **C.** Yên Bái. **D.** Lào Cai.

**Câu 7.** Sông có trữ năng thủy điện lớn nhất vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là

**A.** sông Gâm. **B.** sông Đà. **C.** sông Chảy. **D.** sông Lô.

**Câu 8.** Trung du và miền núi Bắc Bộ gồm bao nhiêu tỉnh?

**A.** 10. **B.** 12. **C.** 14. **D.** 16.

**Câu 9.** Tỉnh nào sau đây thuộc Đông Bắc?

**A.** Sơn La. **B.** Hoà Bình.

**C.** Điện Biên. **D.** Tuyên Quang.

**Câu 10.** Tỉnh nào sau đây ở Trung du và miền núi Bắc Bộ có chung biên giới với cả Lào và Trung Quốc?

**A.** Lai Châu. **B.** Điện Biên. **C.** Lạng Sơn **D.** Lào Cai.

**Câu 11.** Than có nhiều ở tỉnh nào sau đây của Trung du và miền núi Bắc Bộ?

**A.** Thái Nguyên. **B.** Phú Thọ. **C.** Cao Bằng. **D.** Yên Bái.

**Câu 12.** Phát biểu nào sau đây không đúng với vị trí địa lí và lãnh thổ vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

**A.** Giáp vùng biển giàu tiềm năng. **B.** Có diện tích tự nhiên lớn nhất.

**C.** Có biên giới với Trung Quốc và Lào. **D.** Giáp với Đồng bằng sông Hồng.

**Câu 13.** Cây công nghiệp chính của Trung du và miền núi Bắc Bộ là

**A.** Thuốc lá. **B.** Cao su. **C.** Cà phê. **D.** Chè.

**Câu 14.** Công suất thiết kế của nhà máy thủy điện Hòa Bình là

**A.** 2400MW. **B.** 400MW. **C.** 700MW. **D.** 1920MW.

**Câu 15.** Các nhà máy thuỷ điện nào sau đây được xây dựng trên sông Đà?

**A.** Hoà Bình và Thác Bà. **B.** Hoà Bình và Tuyên Quang.

**C.** Thác Bà và Sơn La. **D.** Hoà Bình và Sơn La.

**2. Thông hiểu**

**Câu 1.** Trung du và miền núi Bắc Bộ không có thế mạnh nổi bật nào sau đây?

**A.** Khai thác khoáng sản. **B.** Phát triển thủy điện.

**C.** Trồng cây cận nhiệt. **D.** Phát triển kinh tế biển.

**Câu 2.** Ý nghĩa lớn nhất của việc phát triển thủy điện ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

**A.** đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng về điện năng.

**B.** điều tiết lũ trên các sông và phát triển du lịch.

**C.** thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa trong vùng.

**D.** đẩy mạnh khai thác và chế biến khoáng sản.

**Câu 3.** Phát biểu nào sau đây đúng về hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản ở Trung du và miền núi Bắc Bộ?

**A.** Việc khai thác đa số các mỏ có chi phí cao.

**B.** Khai thác than tập trung chủ yếu ở Tây Bắc.

**C.** Khai thác than được dành hoàn toàn cho xuất khẩu.

**D.** Quặng a-pa-tit được khai thác để sản xuất phân đạm.

**Câu 4.** Phát biểu nào sau đây không đúng về ý nghĩa của việc phát triển thủy điện ở Trung du và miền núi Bắc Bộ?

**A.** Tạo động lực cho vùng phát triển công nghiệp khai thác.

**B.** Góp phần giảm thiểu lũ lụt cho đồng bằng sông Hồng.

**C.** Làm thay đổi đời sống của đồng bào dân tộc ít người.

**D.** Tạo việc làm tại chỗ cho người lao động ở địa phương.

**Câu 5.** Nguyên nhân quan trọng nhất để vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ trồng được cây công nghiệp có nguồn gốc cận nhiệt là do có

**A.** lao động có truyền thống, kinh nghiệm.

**B.** khí hậu cận nhiệt đới và có mùa đông lạnh.

**C.** nhiều bề mặt cao nguyên đá vôi bằng phẳng.

**D.** đất feralit, đất xám phù sa cổ bạc màu.

**Câu 6.** Nhân tố chủ yếu để tiểu vùng Tây Bắc nước ta vẫn trồng được giống cà phê chè là do

**A.** khí hậu, đất đai. **B.** địa hình, nguồn nước.

**C.** địa hình, đất đai. **D.** đất đai, nguồn nước.

**Câu 7.** Trung du và miền núi Bắc Bộ có nguồn thủy năng lớn là do

**A.** nhiều sông ngòi, mưa nhiều. **B.** đồi núi cao, mặt bằng rộng, mưa nhiều.

**C.** địa hình dốc, lắm thác ghềnh. **D.** địa hình dốc và có lưu lượng nước lớn.

**Câu 8.** Trung du và miền núi Bắc Bộ có điều kiện thuận lợi phát triển công nghiệp nặng do có

**A.** nguồn năng lượng và khoáng sản dồi dào. **B.** nguồn thủy sản và lâm sản rất lớn.

**C.** nguồn lương thực, thực phẩm phong phú. **D.** sản phẩm cây công nghiệp đa dạng.

**Câu 9.** Giải pháp chủ yếu để nâng cao giá trị khoáng sản khai thác ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

**A.** đầu tư vốn, đào tạo lao động. **B.** đẩy mạnh chế biến và xuất khẩu.

**C.** phát triển giao thông, điện. **D.** Tăng cường thăm dò, khai thác.

**Câu 10.** Trung du và miền núi Bắc Bộ không có thế mạnh nổi bật nào sau đây?

**A.** Phát triển nghề nuôi trồng thuỷ sản nước ngọt.

**B.** Phát triển chăn nuôi gia súc với quy mô lớn.

**C.** Khai thác và chế biến khoáng sản, thuỷ điện.

**D.** Trồng cây công nghiệp cận nhiệt và ôn đới.

**Câu 11.** Điều kiện nào sau đây thuận lợi nhất để phát triển chăn nuôi gia súc lớn ở Trung du và miền núi Bắc Bộ?

**A.** Nguồn thức ăn dồi dào từ hoa màu. **B.** Có các đồng cỏ trên các cao nguyên.

**C.** Thức ăn công nghiệp được đảm bảo. **D.** Dịch vụ thú y, có trạm trại giống tốt.

**Câu 12.** Quặng Thiếc và Bô xít phân bố chủ yếu ở tỉnh nào sau đây của Trung du và miền núi Bắc Bộ?

**A.** Lạng Sơn. **B.** Cao Bằng. **C.** Lào Cai. **D.** Thái Nguyên.

**Câu 13.** Phát biểu nào sau đây không đúng về Trung du và miền núi Bắc Bộ?

**A.** Phần lớn là đất feralit, ngoài ra còn có đất phù sa cổ.

**B.** Địa hình Tây Bắc hiểm trở, Đông Bắc là đồi núi thấp.

**C.** Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, có một mùa đông lạnh.

**D.** Phần lớn diện tích của vùng là đất đỏ badan, đất xám.

**Câu 14.** Trâu được nuôi nhiều ở Trung du và miền núi Bắc Bộ chủ yếu do

**A.** mang lại hiệu quả cao nhất. **B.** điều kiện sinh thái phù hợp.

**C.** nguồn thức ăn phong phú. **D.** nhu cầu tiêu thụ lớn và tăng.

**Câu 15.** Trung du và miền núi Bắc Bộ xây dựng được nhiều nhà máy điện lớn là do

**A.** có nguồn nguyên liệu dồi dào.

**C.** có nhu cầu năng lượng rất lớn.

**B.** có trữ lượng lớn về than và thuỷ năng.

**D.** đáp ứng nhu cầu về điện của cả nước.

**3. Vận dụng**

**Câu 1.** Khó khăn chủ yếu làm hạn chế việc phát triển chăn nuôi gia súc lớn ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

**A.** cơ sở thức ăn cho phát triển chăn nuôi còn rất hạn chế.

**B.** dịch bệnh hại gia súc vẫn đe dọa tràn lan trên diện rộng.

**C.** trình độ chăn nuôi thấp, công nghiệp chế biến hạn chế.

**D.** công tác vận chuyển sản phẩm, thị trường biến động.

**Câu 2.** Điểm khác biệt lớn nhất trong sản xuất chè giữa Trung du và miền núi Bắc Bộ với Tây Nguyên là gì?

**A.** Điều kiện sản xuất. **B.** Cơ cấu cây trồng.

**C.** Quy mô sản xuất. **D.** Trình độ thâm canh.

**Câu 3.** Khu vực có điều kiện tự nhiên phù hợp để trồng cây dược liệu ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

**A.** vùng núi giáp biên giới. **B.** vùng đồi trung du.

**C.** các cao nguyên đá vôi. **D.** các đồng bằng giữ núi.

**Câu 4.** Nơi có thể trồng và sản xuất hạt giống rau ôn đới với quy mô lớn ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

**A.** Mẫu Sơn (Lạng Sơn). **B.** Sa Pa (Lào Cai).

**C.** Mộc Châu (Sơn La). **D.** Đồng Văn (Hà Giang).

**Câu 5.** Khó khăn lớn nhất đối với việc phát triển kinh tế - xã hội của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là

**A.** sự phân hóa địa hình sâu sắc. **B.** khí hậu phân hoá rất phức tạp.

**C.** cơ sở hạ tầng kém phát triển. **D.** tập trung nhiều dân tộc ít người.

**Câu 6.** Thế mạnh chủ yếu để Trung du và miền núi Bắc Bộ sản xuất cây dược liệu là

**A.** địa hình đa dạng, có cả núi, đồi, cao nguyên.

**B.** đất feralit đỏ vàng chiếm diện tích rất rộng.

**C.** khí hậu cận nhiệt, ôn đới trên núi, giống tốt.

**D.** nguồn nước mặt dồi dào phân bổ nhiều nơi.

**Câu 7.** Việc đẩy mạnh sản xuất cây công nghiệp ở Trung du và miền núi Bắc Bộ gặp khó khăn chủ yếu nào sau đây?

**A.** mật độ dân số thấp, thị trường tiêu thụ tại chỗ nhỏ.

**B.** nạn du canh du cư vẫn còn, lao động trình độ thấp.

**C.** trình độ thâm canh thấp, đầu tư cơ sở vật chất còn ít.

**D.** công nghiệp chế biến hạn chế, thị trường còn bất ổn.

**Câu 8.** Phát biểu nào sau đây không đúng về điều kiện thuận lợi cho phát triển cây công nghiệp của Trung du và miền núi Bắc Bộ?

**A.** Đất ferarit phát triển trên nhiều đá mẹ khác nhau.

**B.** Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh.

**C.** Hình thành được một số cơ sở chế biến nông sản.

**D.** Thị trường chủ yếu là nội vùng, sức mua rất lớn.

**Câu 9.** Khó khăn đối với việc trồng và chế biến một số loại cây công nghiệp ở Trung du miền núi Bắc Bộ là

**A.** thiếu nước vào mùa đông, nhiệt độ cao, ít loại đất.

**B.** khả năng mở rộng diện tích nhỏ, thiếu vốn đầu tư.

**C.** rét đậm, rét hại, sương muối, thiếu cơ sở chế biến.

**D.** sự phân hóa của địa hình, kinh nghiệm người dân.

**Câu 10.** Khó khăn lớn nhất ảnh hưởng đến việc phát triển ngành chăn nuôi theo hướng hàng hóa ở Trrung du và miền núi Bắc Bộ là

**A.** kết cấu hạ tầng còn nhiều hạn chế. **B.** khí hậu khắc nghiệt, nhiều thiên tai.

**C.** thiếu công nghiệp chế biến, thú y. **D.** diện tích đồng cỏ ít, chất lượng thấp.

**Câu 11.** Việc phát huy thế mạnh của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ mang lại ý nghĩa nào sau đây về mặt xã hội?

**A.** Góp phần bảo vệ tốt an ninh biên giới.

**B.** Củng cố tình đoàn kết giữa các dân tộc.

**C.** Giảm sự chênh lệch mức sống các dân tộc.

**D.** Giải quyết việc làm, đẩy mạnh đô thị hóa.

**Câu 12.** Trâu tập trung nhiều nhất ở Trung du và miền núi Bắc Bộ vì có đặc tính

**A.** trâu có nhiều giống tốt và khỏe. **B.** trâu to, khỏe, ưa nóng, chịu hạn.

**C.** trâu thích nghi với các địa hình. **D.** trâu khỏe, ưa ẩm và chịu rét giỏi.

**Câu 13.** Vùng Tây Bắc nước ta vẫn trồng được cây cà phê chủ yếu là do

**A.** địa hình cao nên nhiệt độ giảm thấp. **B.** có một mùa mưa và mùa khô rõ rệt.

**C.** có các khu vực địa hình thấp, kín gió. **D.** có mùa đông lạnh do địa hình cao.

**Câu 14.** Phát biểu nào sau đây thể hiện ý nghĩa về kinh tế của việc khai thác các thế mạnh ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

**A.** Củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

**B.** Tạo ra nhiều việc làm, tăng thu nhập.

**C.** Bảo vệ tốt an ninh quốc phòng biên giới.

**D.** Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

**Câu 15.** Việc đẩy mạnh sản xuất cây công nghiệp theo hướng hàng hóa ở Trung du và miền núi Bắc Bộ gặp khó khăn chủ yếu nào sau đây?

**A.** Mật độ dân số thấp, phong tục cũ còn nhiều.

**B.** Nạn du canh, du cư còn xảy ra ở một số nơi.

**C.** Trình độ thâm canh còn thấp, đầu tư vật tư ít.

**D.** Công nghiệp chế biến nông sản còn hạn chế.

**Câu 16.** Thuận lợi chủ yếu của khí hậu đối với phát triển nông nghiệp ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là tạo điều kiện để

**A.** sản xuất nông sản nhiệt đới. **B.** đa dạng hóa cây trồng, vật nuôi.

**C.** nâng cao hệ số sử dụng đất. **D.** trình độ thâm canh nâng cao hơn.

**Câu 17.** Điều kiện tự nhiên quan trọng nhất tạo cơ sở cho việc hình thành vùng chuyên canh chè ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

**A.** nhiệt độ và độ ẩm cao. **B.** đất feralit giàu dinh dưỡng.

**C.** khí hậu và đất phù hợp. **D.** địa hình chủ yếu là đồi núi.

**Câu 18.** Trung du và miền núi Bắc Bộ hình thành được các vùng chuyên canh chè quy mô lớn chủ yếu do

**A.** địa hình đồi núi, đất feralit giàu dinh dưỡng. **B.** nguồn nước dồi dào.

**C.** địa hình nhiều đồi núi và có mùa đông lạnh. **D.** các cao nguyên lớn.

**Câu 19.** Ý nghĩa xã hội chủ yếu của việc phát huy thế mạnh ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

**A.** bảo vệ và giữ vững an ninh biên giới.

**C.** thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

**B.** cải thiện chất lượng cuộc sống người dân.

**D.** nâng cao vị thế của vùng trong cả nước.

**Câu 20.** Việcxây dựng các hồ thủy điện quy mô lớn ở Trung du và miền núi Bắc Bộ thuận lợi chủ yếu do

**A.** kĩ thuật tiên tiến, liên kết nước ngoài. **B.** lao động kĩ thuật, vốn đầu tư nhiều.

**C.** cósông lớn và nhiều thung lũng rộng. **D.** vùng tiêu thụ điện lớn, nhiều sông.

**Câu 21.** Biện pháp nào sau đây là quan trọng nhất để khai thác có hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên ở Trung du và miền núi Bắc Bộ?

**A.** Sử dụng tốt nguồn lao động tại chỗ.

**B.** Đào tạo cán bộ khoa học - kĩ thuật.

**C.** Bố trí các cơ sở chế biến gần với các vùng nguyên liệu.

**D.** Hoàn thiện cơ sở hạ tầng về giao thông và năng lượng.

**Câu 22.** Chăn nuôi bò sữa ở Trung du và miền núi Bắc Bộ gần đây được phát triển chủ yếu do

**A.** nguồn thức ăn được đảm bảo, cơ sở hạ tầng cải thiện.

**B.** nguồn thức ăn được đảm bảo, nhu cầu thị trường tăng.

**C.** nhu cầu thị trường tăng, nhiều giống mới năng suất cao.

**D.** nhiều giống mới năng suất cao, cơ sở hạ tầng phát triển.

**Câu 23.** Nhân tố chủ yếu giúp ngành chăn nuôi gia súc ở Trung du và miền núi Bắc Bộ ngày càng phát triển là

**A.** công nghiệp chế biến, cơ sở hạ tầng giao thông được đầu tư.

**B.** thị trường tiêu thụ mở rộng, nhu cầu thịt, sữa ngày càng cao.

**C.** áp dụng tiến bộ khoa học kĩ thuật để lai tạo nhiều giống mới.

**D.** chính sách khuyến khích của Nhà nước, thu hút vốn đầu tư.

**Câu 24.** Thuận lợi chủ yếu để phát triển công nghiệp ở Trung du miền núi Bắc Bộ là

**A.** cơ sở vật chất kĩ thuật và cơ sở hạ tầng phát triển mạnh.

**B.** dân đông, nguồn lao động chất lượng hàng đầu cả nước

**C.** nguồn khoáng sản đa dạng và năng lượng dồi dào, giá rẻ.

**D.** vị trí địa lí chiến lược, nằm trong vùng kinh tế trọng điểm.

**Câu 25.** Mục đích chủ yếu của việc xây dựng các nhà máy thủy điện ở Trung du miền núi Bắc Bộ là

**A.** cung cấp nguồn năng lượng lớn, đẩy mạnh công nghiệp hóa.

**B.** định canh định cư cho đồng bào dân tộc, giải quyết việc làm.

**C.** tạo mặt nước rộng cho nuôi trồng thủy sản, phát triển du lịch.

**D.** điều tiết dòng chảy sông ngòi, giảm thiểu lũ lụt vùng hạ lưu.

**Câu 26.** Phát biểu nào sau đây không đúng về ý nghĩa của việc phát triển thủy điện ở Trung du và miền núi Bắc Bộ?

**A.** Nâng cao vị thế vùng, phát triển công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản.

**B.** Điều tiết lũ cho vùng Đồng bằng sông Hồng, phát triển du lịch sinh thái.

**C.** Đảm bảo an ninh năng lượng, thay đổi bộ mặt kinh tế - xã hội của vùng.

**D.** Nâng cao đời sống dân tộc ít người, tạo việc làm cho lao động địa phương.

**Câu 27.** Ý nghĩa lớn nhất của việc đẩy mạnh sản xuất cây công nghiệp ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

**A.** thúc đẩy công nghiệp chế biến phát triển.

**B.** nâng cao đời sống cho người dân tại chỗ.

**C.** đẩy nhanh quá trình đô thị hóa nông thôn.

**D.** phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa.

**Câu 28.** Sản xuất nông nghiệp hàng hóa ở Trung du và miền núi Bắc Bộ còn gặp nhiều khó khăn chủ yếu do

**A.** thiếu nguồn nước tưới nhất là vào mùa khô.

**B.** thiếu cơ sở chế biến nông sản quy mô lớn.

**C.** thiếu quy hoạch, chưa mở rộng được thị trường.

**D.** thời tiết ngày càng nhiều diễn biến thất thường.

**Câu 29.** Phát biểu nào sau đây không đúng về ý nghĩa của việc xây dựng các công trình thủy điện ở Trung du và miền núi Bắc Bộ?

**A.** Tạo điều kiện phát triển công nghiệp. **B.** Góp phần điều tiết lũ và thủy lợi.

**C.** Tạo ra các cảnh quan có giá trị du lịch. **D.** Phát triển giao thông liên tỉnh.

**Câu 30.** Trung du và miền núi Bắc Bộ không thật thích hợp cho việc trồng cây hàng năm là do

**A.** địa hình dốc, đất dễ thoái hoá, thủy lợi khó khăn.

**B.** thuỷ lợi khó khăn, đất có độ phì thấp, diện tích nhỏ.

**C.** người dân ít có kinh nghiệm trồng cây hàng năm.

**D.** các cây hàng năm đem lại hiệu quả kinh tế rất thấp.

**Câu 31.** Việc tưới tiêu cho cây trồng ở Trung du và miền núi Bắc Bộ khá thuận lợi chủ yếu do có

**A.** các hồ thủy điện, thủy lợi và lượng mưa lớn trong năm.

**B.** lượng mưa lớn trong năm, mạch nước ngầm phong phú.

**C.** lượng nước ở các hồ thủy lợi, lượng mưa lớn trong năm.

**D.** nhiều sông chảy qua, lượng nước ngầm khá phong phú.

**Câu 32.** Trung du và miền núi Bắc Bộ có khả năng đa dạng hóa cơ cấu kinh tế chủ yếu là do

**A.** nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, hạ tầng được cải thiện.

**B.** nguồn lao động có nhiều kinh nghiệm, nhiều đô thị qui mô lớn.

**C.** chính sách ưu tiên phát triển của Nhà nước, lao động có trình độ.

**D.** giao thông thuận lợi hơn, có nhiều cửa khẩu quốc tế quan trọng.

**Câu 33.** Biện pháp chủ yếu để đẩy mạnh sản xuất cây công nghiệp ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

**A.** hoàn thiện và đồng bộ cơ sở vật chất kĩ thuật, giao thông.

**B.** ứng dụng công nghệ cao, liên kết theo chuỗi giá trị bền vững.

**C.** đào tạo và hỗ trợ việc làm, phân bố lại dân cư và lao động.

**D.** chuyển dịch cơ cấu kinh tế, hình thành cùng chuyên canh.

**Câu 34.** Yếu tố nào sau đây tác động chủ yếu đến sự đa dạng của sản phẩm ngành trồng trọt ở Trung du và miền núi Bắc Bộ?

**A.** Kinh nghiệm của người dân và khoa học công nghệ.

**B.** Sinh vật, địa hình và nhu cầu của thị trường tiêu thụ.

**C.** Thổ nhưỡng, địa hình và kinh nghiệm của người dân.

**D.** Điều kiện tự nhiên và nhu cầu của thị trường tiêu thụ.

**Câu 35.** Đẩy mạnh đa dạng hóa nông nghiệp ở Trung du và miền núi Bắc Bộ nhằm mục đích chủ yếu nào sau đây?

**A.** Khai thác hiệu quả các điều kiện tự nhiên và bảo vệ môi trường.

**B.** Giảm rủi ro trong tiêu thụ sản phẩm, tăng thu nhập cho người dân.

**C.** Thích ứng với thị trường tiêu thụ, khai thác hiệu quả các nguồn lực.

**D.** Tăng khối lượng nông sản, thúc đẩy công nghiệp chế biến phát triển.

**Câu 36.** Ý nghĩa chủ yếu của việc khai thác các thế mạnh ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

**A.** thay đổi cơ cấu kinh tế, nâng cao chất lượng cuộc sống và bảo vệ Tổ quốc.

**B.** thúc đẩy nền kinh tế hàng hóa phát triển và đa dạng hóa hàng để xuất khẩu.

**C.** thay đổi cơ cấu kinh tế, nâng cao vị thế kinh tế của vùng và giải quyết việc làm.

**D.** thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước, giải quyết việc làm cho người lao động.

**Câu 37.** Tại sao cần phải chú ý đến vấn đề môi trường trong các công trình thủy điện lớn ở vùng Trung du miền núi Bắc Bộ?

**A.** Ảnh hưởng đến tài nguyên rừng, đất, làm thay đổi dòng chảy và lưu lượng nước sông.

**B.** Làm thay đổi dòng chảy của sông ngòi, gây nên tình trạng lũ quét ở vùng hạ lưu sông.

**C.** Làm thay đổi môi trường trong vùng, tác động mạnh đến môi trường vùng hạ lưu sông.

**D.** Làm suy giảm tài nguyên rừng, gây nên tình trạng ngập lụt ở vùng đồng bằng Bắc Bộ.

**Câu 38.** Ý nghĩa chủ yếu của việc đẩy mạnh sản xuất cây công nghiệp và cây đặc sản ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

**A.** hỗ trợ nguồn nguyên liệu cho vùng Đồng bằng sông Hồng và các vùng lân cận.

**B.** gắn sản xuất cây công nghiệp, cây đặc sản với phát triển công nghiệp chế biến.

**C.** giải quyết việc làm, cải thiện thêm chất lượng cuộc sống cho người lao động.

**D.** hình thành và phát triển nông nghiệp của vùng theo hướng chuyên môn hóa.

**Câu 39.** Phương hướng nào sau đây là chủ yếu để đẩy mạnh chăn nuôi gia súc lớn ở Trung du và miền núi Bắc Bộ?

**A.** Đảm bảo việc vận chuyển sản phẩm chăn nuôi tới vùng tiêu thụ, nhập giống chất lượng.

**B.** Cải tạo, nâng cao năng suất các đồng cỏ, phát triển hệ thống chuồng trại, dịch vụ thú y.

**C.** Tăng cường hệ thống chuồng trại, đẩy mạnh việc chăn nuôi theo hình thức công nghiệp.

**D.** Phát triển theo hướng hàng hóa, đảm bảo thức ăn, kiểm soát dịch bệnh, tăng chế biến.

**II. DẠNG ĐÚNG/SAI**

**Câu 1.** Cho thông tin sau:

 Trung du và miền núi Bắc Bộ là địa bàn chiến lược quan trọng về kinh tế - xã hội, chính trị, an ninh quốc phòng, môi trường của cả nước. Ở đây có thiên nhiên phân hóa đa dạng, có nhiều dân tộc cùng sinh sống.

 **a)** Trung du và miền núi Bắc Bộ tiếp giáp hai nước Lào và Campuchia. (Sai)

 **b)** Các dân tộc ở Trung du và miền núi Bắc Bộ sống xen kẽ nhau, có nhiều nét văn hóa độc đáo, kinh nghiệm sản xuất phong phú. (Đúng)

 **c)** Trung du và miền núi Bắc Bộ có mật độ dân số cao, diện tích lớn gây khó khăn cho phân bố sản xuất và thu hút đầu tư. (Sai)

 **d)** Trung du và miền núi Bắc Bộ có vùng biển giàu tiềm năng cho phát triển các ngành kinh tế biển và thúc đẩy phát triển nền kinh tế mở. (Sai)

**Câu 2.** Cho thông tin sau:

Trung du và miền núi Bắc Bộ là vùng có diện tích lãnh thổ lớn ở nước ta. Vùng có địa hình đa dạng, phức tạp, gồm các dãy núi cao, điển hình là dãy Hoàng Liên Sơn. Đất fe-ra-lit chiếm diện tích lớn. Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, có mùa đông lạnh, phân hóa rõ rệt theo độ cao địa hình. Điều này đã tạo nên thế mạnh để phát triển các ngành kinh tế khác nhau như: trồng cây công nghiệp, cây ăn quả, chăn nuôi gia súc lớn.

**a)** Trung du và miền núi Bắc Bộ là vùng chuyên canh cây công nghiệp lớn ở nước ta. (Đúng)

**b)** Vùng có thế mạnh để phát triển cây công nghiệp có nguồn gốc cận nhiệt và ôn đới.(Đúng)

**c)** Sự phân hóa địa hình, đất, khí hậu là cơ sở để đa dạng hóa cơ cấu cây công nghiệp.(Đúng)

**d)** Cây chè phát triển mạnh trong vùng chủ yếu do lãnh thổ rộng, diện tích đất fe-ra-lit lớn. (Sai)

**Câu 3.** Cho thông tin sau:

 Trung du và miền núi Bắc Bộ giàu tài nguyên khoáng sản nhất nước ta. Một số loại khoáng sản có trữ lượng tương đối lớn, có khả năng khai thác với quy mô công nghiệp như than ở Lạng Sơn, Thái Nguyên; sắt ở Yên Bái, Lào Cai, Hà Giang; đồng ở Sơn La, Bắc Giang; đồng - vàng ở Lào Cai, apatit ở Lào Cai…

**a)** Apatit ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là khoáng sản quan trọng để sản xuất phân lân. (Đúng)

**b)** Than có trữ lượng lớn là nguồn nguyên, nhiên liệu quan trọng cho công nghiệp và xuất khẩu. (Đúng)

**c)** Việc khai thác khoáng sản đòi hỏi chi phí cao, khoa học công nghệ hiện đại gây khó khăn cho quá trình khai thác. (Đúng)

 **d)** Giải pháp chủ yếu để đẩy mạnh phát triển công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là tăng cường thăm dò, khai thác triệt để các mỏ đã phát hiện. (Sai)

**Câu 4.** Cho bảng số liệu:

**Số lượng trâu của vùng trung du miền núi Bắc Bộ và cả nước giai đoạn 2018 - 2023**

*(Đơn vị: Nghìn con)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2018** | **2019** | **2020** | **2023** |
| Trung du và miền núi phía Bắc | 1391,2 | 1332,4 | 1293,9 | 1195,5 |
| Cả nước | 2486,9 | 2388,8 | 2332,8 | 2136,0 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2023, NXB thống kê năm 2024)*

**a)** Biểu đồ cột là dạng biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện quy mô đàn trâu của Trung du và miền núi Bắc Bộ so với cả nước. (Đúng)

**b)** Đàn trâu của vùng chiếm tỉ lệ cao trong cả nước. (Đúng)

**c)** Vùng nuôi nhiều trâu vì đáp ứng nhu cầu của thị trường tiêu thụ. (Sai)

**d)** Giải pháp chủ yếu phát triển nuôi trâu theo hướng sản xuất hàng hóa là phát triển vùng chăn nuôi tập trung, tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ trong chăn nuôi gắn với công nghiệp chế biến. (Đúng)

**Câu 5.** Cho thông tin sau:

Công nghiệp khai khoáng phát triển từ lâu đời, là thế mạnh nổi bật của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, bao gồm công nghiệp khai thác quặng kim loại và phi kim, khai thác than, khai thác đá các loại.

**a)** Đá vôi để sản xuất vật liệu xây dựng tập trung nhiều ở Trung du và miền núi Bắc Bộ. (Đúng)

**b)** Hạn chế của công nghiệp khai khoáng của Trung du và miền núi Bắc Bộ là thiếu vốn, công nghệ, giao thông hạn chế. (Đúng)

**c)** Công nghiệp khai khoáng là tiền đề quan trọng nhất cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Trung du và miền núi Bắc Bộ. (Sai)

**d)** Phát triển công nghiệp khai khoáng góp phần tạo hàng hóa, tăng trưởng kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân của vùng. (Đúng)

**Câu 6.** Cho thông tin sau:

Trung du và miền núi Bắc Bộ là một địa bàn chiến lược đặc biệt quan trọng về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại của cả nước; cửa ngõ phía Tây và phía Bắc của quốc gia. Đồng thời, đây cũng là vùng có nhiều tiềm năng, lợi thế cho phát triển bền vững với nhiều loại tài nguyên, khoáng sản quý, hiếm, và diện tích đồi rừng rộng lớn, cảnh quan thiên nhiên hùng vĩ, tươi đẹp với nhiều di sản văn hóa đặc sắc của đồng bào các dân tộc thiểu số để phát triển du lịch và bảo vệ môi trường sinh thái của cả vùng Bắc Bộ.

**a)** Trung du miền núi Bắc Bộ có đường biên giới dài tiếp giáp với 2 quốc gia là Trung Quốc và Lào. (Đúng)

**b)** Trung du miền núi Bắc Bộ có tiềm năng lớn trong phát triển du lịch, bao gồm cả du lịch tự nhiên và du lịch nhân văn. (Đúng)

**c)** Kinh tế - xã hội của Trung du và miền núi Bắc Bộ còn chậm phát triển chủ yếu do diện tích quá lớn gây khó khăn trong đầu tư. (Sai)

**d)** Việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ sẽ gây khó khăn lớn cho việc bảo tồn những di sản văn hóa đặc sắc của đồng bào dân tộc thiểu số. (Sai)

**III. TRẢ LỜI NGẮN**

**Câu 1.** Cho bảng số liệu:

**Dân số của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ phân theo giới tính, năm 2021**

 *(Đơn vị: Nghìn người)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tổng số dân** | **Nam** | **Nữ** |
| 12925,1 | 6494,0 | 6431,1 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)*

Tính tỉ lệ dân số nam của Trung du và miền núi Bắc Bộ năm 2021. *(làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của %)*

**Trả lời**

**Đáp án: (6494,0 : 12925,1) x 100 ≈ 50,2**

**Câu 2.** Cho bảng số liệu:

**Số lượng đàn trâu của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ năm 2010 và 2021**

*(Đơn vị: triệu con)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2021** |
| Trâu | 1,6 | 1,2 |

*(Nguồn: Tổng cục Thống kê năm 2021, NXB Thống kê Việt Nam 2022)*

So năm 2021 với năm 2010, tốc độ tăng trưởng số lượng đàn trâu của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ đạt bao nhiêu %? (coi năm 2010 = 100%)

**Trả lời**

**Đáp án: (1,2 : 1,6) x 100 = 75**

**Câu 3.** Cho bảng số liệu:

**Dân số của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ phân theo giới tính, năm 2021**

 *(Đơn vị: Nghìn người)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tổng số dân** | **Nam** | **Nữ** |
| 12925,1 | 6494,0 | 6431,1 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)*

Tính tỉ số giới tính của Trung du và miền núi Bắc Bộ năm 2021. *(làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của %)*

**Trả lời**

**Đáp án: (6494,0 : 6431,1) x 100 ≈ 101**

**Câu 4.** Cho bảng số liệu:

**Dân số của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ phân theo thành thị và nông thôn, năm 2021**

 *(Đơn vị: Nghìn người)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tổng số dân** | **Thành thị** | **Nông thôn** |
| 12925,1 | 2646,9 | 10278,2 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)*

Tính tỉ lệ dân thành thị của Trung du và miền núi Bắc Bộ năm 2021. *(làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của %)*

**Trả lời**

**Đáp án: (2646,9 : 12925,1) x 100 ≈ 20,5**

**Câu 5.** Năm 2023, tổng đàn trâu cả nước là 2136,0 nghìn con, vùng trung du và miền núi Bắc Bộ có 1193,5 nghìn con. Tính tỉ trọng trâu của Trung du miền núi Bắc Bộ trong tổng đàn trâu cả nước (*làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của %)*

**Trả lời**

**Đáp án: (1193,5 : 2136,0) x 100 ≈ 55,9**

**Câu 6.** Năm 2021, tổng giá trị GRDP của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là 952,9 nghìn tỉ đồng, trong đó công nghiệp xây dựng chiếm 41,4%. Tính giá trị GRDP trong công nghiệp xây dựng của vùng năm 2021 *(làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của nghìn tỉ đồng)*

**Trả lời**

**Đáp án: (41,4 x 952,9) x 100 = 395**

**Câu 7.** Biết năm 2023, vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ có số dân là 13162,4 nghìn người, diện tích tự nhiên 95184,1 km2. Cho biết mật độ dân số vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ năm 2023 là bao nhiêu người/km2?

**Trả lời**

**Đáp án:** 13162400 : 95184,1 ≈ **138**

**Câu 8.** Năm 2021, vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ có diện tích trồng lúa là 662,2 nghìn ha, sản lượng đạt 3426,5 nghìn tấn. Hãy tính năng suất lúa của vùng. *(làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của tạ/ha)*

**Trả lời**

**Đáp án: 3426,5 : 662,2 = 5,174419 tấn/ha ≈ 52 tạ/ha**

**Câu 9.** Cho bảng số liệu:

**Số lượng trâu của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, giai đoạn 2018 - 2023**

 *(Đơn vị: Nghìn con)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Năm** | **2018** | **2023** |
| Trung du và miền núi Bắc Bộ | 1391,2 | 1195,5 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2023, NXB Thống kê, 2024)*

Tốc độ tăng trưởng số lượng trâu của Trung du và miền núi Bắc Bộ năm 2023 so với năm 2018 là bao nhiêu %? *(coi* *năm 2018 = 100%).* *(làm tròn kết quả đến 1 chữ số thập phân của %)*

**Trả lời**

**Đáp án: (1195,5 : 1391,2) x 100 ≈ 85,9**